

**Phụ lục IV**  
**CÔNG TÁC SINH VIÊN**

**Bảng 1. Tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên**

| STT | Công văn triển khai                                                                   | Khóa học             | Số lượng sinh viên tham gia |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|
| 1.  | Kế hoạch số 3357/KH-ĐHBK ngày 16/8/2024<br>Thông báo số 3444/TB-ĐHBK ngày 20/8/2024   | 2024                 | 3787                        |
| 2.  | Kế hoạch số 5660/KH-ĐHBK ngày 25/12/2024<br>Thông báo số 5710/TB-ĐHBK ngày 27/12/2024 | 2021(KS), 2022, 2023 | 8306                        |
| 3.  | Kế hoạch số 5659/KH-ĐHBK ngày 25/12/2024<br>Thông báo số 5711/TB-ĐHBK ngày 27/12/2024 | 2020(KS), 2021(CN)   | 2705                        |

**Bảng 2. Các kế hoạch triển khai thực hiện**

| STT | Nội dung                                                                                                                        | Công văn ban hành                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1   | Thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030                                                 | Kế hoạch số 2742/KH-ĐHBK ngày 25/7/2024   |
| 2   | Hội nghị tuyên truyền phòng ngừa tội phạm và tệ nạn ma túy do Đại học Đà Nẵng tổ chức                                           | Thông báo số 5124/TB-ĐHBK ngày 25/11/2024 |
| 3   | Tổ chức Tọa đàm chuyên đề “Phòng, chống tội phạm an ninh mạng và ma túy”                                                        | Kế hoạch số 1467/KH-ĐHBK ngày 26/3/2025   |
| 4   | Triển khai công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, HIV/AIDS, ma túy, mại dâm trong Trường Đại học Bách khoa năm 2025 | Kế hoạch số 2037/KH-ĐHBK ngày 25/4/2025   |

**Bảng 3. Các chế độ chính sách**

| STT | Đối tượng          | HKI 2024-2025<br>(Đơn vị: Sinh viên – SV) |                                                              | HKII 2024-2025<br>(Đơn vị: Sinh viên – SV) |                                                              |
|-----|--------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1   | Miễn, giảm học phí | 157 SV                                    | - Miễn 100%: 90 SV<br>- Giảm 70%: 15 SV<br>- Giảm 50%: 52 SV | 164 SV                                     | - Miễn 100%: 93 SV<br>- Giảm 70%: 17 SV<br>- Giảm 50%: 54 SV |
| 2   | Trợ cấp xã hội     | 42 SV                                     | - Mức 140.000 đồng/tháng: 17 SV                              | 40 SV                                      | - Mức 140.000 đồng/tháng: 19 SV                              |

| STT | Đối tượng                  | HKI 2024-2025<br>(Đơn vị: Sinh viên – SV) |                                                                                                                                           | HKII 2024-2025<br>(Đơn vị: Sinh viên – SV) |                                                                                                                                           |
|-----|----------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                            |                                           | - Mức 100.000 đồng/tháng: 25 SV                                                                                                           |                                            | - Mức 100.000 đồng/tháng: 21 SV                                                                                                           |
| 3   | Hỗ trợ chi phí học tập     | 08 SV                                     | - Hỗ trợ 100% mức lương tối thiểu/người/tháng (12 tháng/năm): 02 SV<br>- Hỗ trợ 60% mức lương tối thiểu/người/tháng (10 tháng/năm): 06 SV | 08 SV                                      | - Hỗ trợ 100% mức lương tối thiểu/người/tháng (12 tháng/năm): 02 SV<br>- Hỗ trợ 60% mức lương tối thiểu/người/tháng (10 tháng/năm): 06 SV |
| 4   | Giảm học phí con CBVC ĐHDN | 46 SV                                     | - Hỗ trợ 50% con CBVC thuộc ĐHDN<br>- Hỗ trợ 25% con CBVC hưu trí                                                                         | 44 SV                                      | - Hỗ trợ 50% con CBVC thuộc ĐHDN<br>- Hỗ trợ 25% con CBVC hưu trí                                                                         |

**Bảng 4. Học bổng**

| Năm học   | Số lượng tổ chức/ cá nhân trao | Số tiền (VNĐ) | Số lượng sinh viên |
|-----------|--------------------------------|---------------|--------------------|
| 2024-2025 | 86                             | 3,703,759,762 | 617                |

**Bảng 5. Khen thưởng sinh viên khóa tuyển sinh năm 2024**

| STT         | Hình thức khen thưởng                                             | Số lượng | Giá trị khen thưởng | Tổng giá trị khen thưởng |
|-------------|-------------------------------------------------------------------|----------|---------------------|--------------------------|
| 1           | Thủ khoa toàn Trường                                              | 01       | 40 triệu đồng/suất  | 40 triệu đồng            |
| 2           | Thủ khoa ngành                                                    | 36       | 10 triệu đồng/suất  | 360 triệu đồng           |
| 3           | Sinh viên đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế | 01       | 20 triệu đồng/suất  | 20 triệu đồng            |
| <b>Tổng</b> |                                                                   |          |                     | <b>420 triệu đồng</b>    |

**Bảng 6. Các thành tích đạt được qua các cuộc thi**

| STT | Giải              | Tên kỳ thi                            |
|-----|-------------------|---------------------------------------|
| 1   | 01 giải Vô địch   | Kỳ thi ICPC khu vực miền Trung 2024   |
| 2   | 02 giải Nhì       |                                       |
| 3   | 05 giải Ba        |                                       |
| 4   | 01 giải Nhất      | Kỳ thi ICPC Quốc gia 2024             |
| 5   | 01 giải Ba        |                                       |
| 6   | 01 Huy chương Bạc | Kỳ thi lập trình ICPC Asia Hanoi 2024 |

| STT | Giải                                      | Tên kỳ thi                                                             |
|-----|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 7   | 01 Đồng Giải Ba ICPC Asia Hanoi 2024      |                                                                        |
| 8   | 01 Huy chương Đồng                        | Kỳ thi lập trình sinh viên quốc tế ICPC Asia Pacific Championship 2025 |
| 9   | 01 Cup Đồng Khối siêu cúp                 | Cuộc thi Olympic Tin học Sinh viên Việt Nam lần thứ 33                 |
| 10  | 03 Giải Ba Khối siêu cúp                  |                                                                        |
| 11  | 02 Giải Nhì Khối chuyên tin               |                                                                        |
| 12  | 01 Giải Ba Khối chuyên tin                |                                                                        |
| 13  | 02 Giải Nhất                              | Kỳ thi Olympic Cơ học toàn quốc lần thứ 35 năm 2025                    |
| 14  | 05 Giải Nhì cá nhân, 01 Giải Nhì đồng đội |                                                                        |
| 15  | 26 Giải Ba                                |                                                                        |
| 16  | 15 Giải Khuyến khích                      |                                                                        |